

ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ MẤT CÂN BẰNG CHE PHỦ TRÊN LƯU VỰC SÔNG CHU (PHẦN LÃNH THỔ VIỆT NAM)

NCS. Lê Kim Dung - Đại học Hồng Đức

Mục đích của bài báo này là dựa vào hệ số mất cân bằng che phủ (được tính qua mối quan hệ giữa tỷ lệ che phủ hiện tại và tỷ lệ che phủ cần có theo đề xuất quy hoạch) để đánh giá mức độ mất cân bằng che phủ (MCBCP) trên lưu vực sông Chu. Các kết quả đánh giá cho thấy, trên lưu vực sông Chu, hệ số MCBCP có sự khác nhau giữa ba khu vực thượng - trung và hạ lưu; giữa các phụ lưu; các đơn vị hành chính. Chỉ số MCBCP được đánh giá theo 4 cấp: thấp, trung bình, cao và đạt CBCP. Trong 38 xã xét MCBCP (là những xã có từ 200 ha rừng và chiếm 20% DTTN trở lên) có 18 xã đạt CBCP, 20 xã MCBCP cần được ưu tiên đầu tư phục hồi lớp phủ, phát triển sản xuất trên đất lâm nghiệp phục vụ xóa đói giảm nghèo và bảo vệ môi trường sinh thái bền vững.

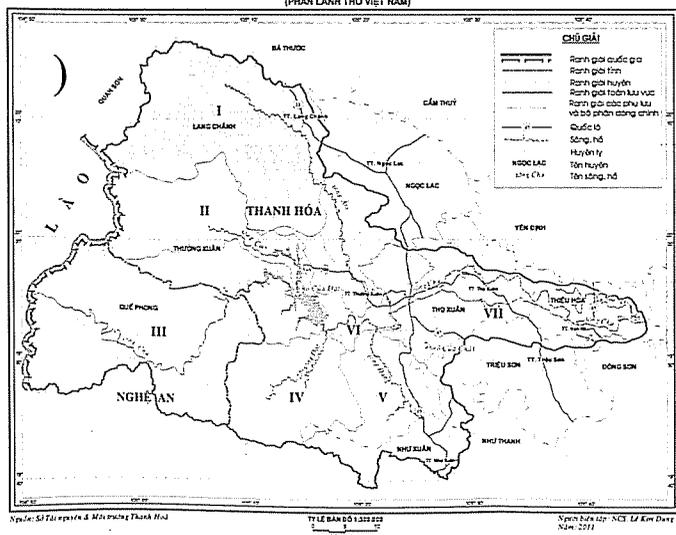
1. Mở đầu

Sông Chu (phụ lưu cấp một lớn nhất của hệ thống sông Mã) là lưu vực sông liên quốc gia chảy qua 2 nước Lào, Việt Nam với tổng diện tích tự nhiên khoảng 7080 km². Tuy nhiên, bài viết chỉ tập trung nghiên cứu phần lưu vực trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam rộng 3051 km², chiếm khoảng 43% diện tích toàn lưu vực, trong đó 80% thuộc địa phận tỉnh Thanh Hóa, 20% còn lại trên đất Nghệ An. Đây là khu vực có điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên khá thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội (tài nguyên đất, nước, sinh vật,...). Song, trên lưu vực cũng có không ít những khó khăn (hơn 80% diện tích tự nhiên là đồi núi, gồm nhiều núi cao vào loại bậc nhất của tỉnh; độ dốc trên 25° chiếm 36,3%; mưa lớn và tập trung theo mùa,...). Nhiều khu vực chưa đạt mức độ cân bằng che phủ. Trên đất lâm nghiệp, tỷ lệ đất có rừng tự nhiên giàu và trung

binh chỉ còn 32,1%, 26,1% là đất trống, đồi núi trọc, trảng cây bụi thứ sinh, trảng cỏ để lại sau canh tác nương rẫy. Do đó, trong nhiều năm gần đây, vào mùa mưa bão, trên khu vực thượng và trung lưu, các tai biến thiên nhiên như lũ quét, trượt lở đất đá, xói mòn đất có tần suất ngày càng cao và tác động trên diện rộng. Qua kết quả nghiên cứu cho biết, toàn lưu vực có tới 4 huyện, chiếm 77% diện tích tự nhiên nằm trong vùng nguy cơ xảy ra lũ quét cao (gồm Lang Chánh, Ngọc Lặc, Thường Xuân và Quế Phong- Nghệ An) [3].

Với những lý do nêu trên, chúng tôi đã lựa chọn bài viết: “Đánh giá mức độ mất cân bằng che phủ trên lưu vực sông Chu” (phần lãnh thổ Việt Nam). Từ đó, phục hồi lớp phủ nhằm bảo vệ môi trường sinh thái trên đất lâm nghiệp, đưa ra khuyến nghị ưu tiên đầu tư đất lâm nghiệp theo xã phục vụ xóa đói giảm nghèo, đi lên phát triển bền vững.

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH KHU VỰC NGHIÊN CỨU - LƯU VỰC SÔNG CHU (PHẦN LÃNH THỔ VIỆT NAM)



Hình 1: Bản đồ hành chính khu vực nghiên cứu - lưu vực sông Chu

2. Hiện trạng thảm thực vật lưu vực sông Chu

Dòng sông Chu chảy qua nhiều dạng địa hình khác nhau (từ miền núi cao phía tây, qua vùng đồi chuyển tiếp, tới đồng bằng nhỏ hẹp ở phía đông) nên hiện trạng thảm thực vật trên lưu vực phân hoá đa dạng, phong phú, trong đó: rừng tự nhiên giàu và trung bình là 46.989 ha, chiếm 15,58% diện tích tự nhiên (DTTN); rừng nghèo và rừng non là 47.200 ha, chiếm 15,65%; 59.735 ha rừng thứ sinh, chiếm 19,80%; 10.760 ha rừng trồng chiếm 3,6%; trồng cây bụi và trồng cỏ thứ sinh là 63.040 ha (20,9%). Còn lại gồm có đất trồng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm, đất lúa, hoa màu xen canh, thực vật trong khu đô thị và quần cư nông thôn chiếm 24,5% bằng 73.267ha.

Trên toàn lưu vực, tỷ lệ che phủ rừng hiện tại

trên 50%, lớn hơn mức trung bình của cả nước (39,5%) [7], tuy nhiên có sự khác nhau lớn giữa ba bộ phận: thượng lưu (73%), trung lưu (49,7%) và hạ lưu (4,8%).

Nếu xét trên từng phụ lưu và các bộ phận dòng chính cho thấy: lưu vực sông Khao, Thượng lưu - dòng chính và lưu vực sông Đát là ba khu vực có độ che phủ cao nhất (75,2%, 74, 4% và 67,3%), bởi đây phần lãnh thổ chiếm đại bộ phận diện tích tự nhiên là đồi núi và có nhiều núi cao vào bậc nhất tỉnh Thanh Hóa; tiếp theo là độ che phủ trên lưu vực sông Âm (52,5%), sông Đàng (46,9%) và Trung lưu- dòng chính (28,8%); nhỏ nhất là trên Hạ lưu- dòng chính, độ che phủ chỉ đạt 4,8%. Dưới đây là bảng thống kê tỷ lệ che phủ rừng trên lưu vực sông Chu (Bảng 1; Bảng 2) và bản đồ hiện trạng thảm thực vật lưu vực sông Chu năm 2010 (Hình 2):

Bảng 1. Tỷ lệ che phủ rừng hiện tại trên lưu vực sông Chu

Lưu vực sông	Diện tích đất có rừng (ha)	Diện tích tự nhiên (ha)	Tỷ lệ che phủ hiện tại (%)
Toàn lưu vực	163.729	305100	53,7
1. Thượng lưu	103.788	141.866	73,2
2. Trung lưu	57.656	115.977	49,7
3. Hạ lưu	2.265	47.247	4,8

(Nguồn: Tính toán từ kết quả nghiên cứu)

Bảng 2. Tỷ lệ che phủ rừng hiện tại trên các phụ lưu, các bộ phận dòng chính sông Chu

Các phụ lưu sông Chu/ Bộ phận dòng chính	Diện tích đất có rừng (ha)	Diện tích tự nhiên (ha)	Tỷ lệ che phủ hiện tại (%)
1. Phụ lưu sông Âm (I)	40.616	77.346	52,5
2. Phụ lưu sông Khao (II)	23.356	31.066	75,2
3. Phụ lưu sông Đát (III)	18.947	28.146	67,3
4. Phụ lưu sông Đàng (IV)	15.356	32.774	46,9
5. Thượng lưu- dòng chính (V)	61.485	82.654	74,4
6. Trung lưu- dòng chính (VI)	1.684	5.873	28,8
7. Hạ lưu- dòng chính (VII)	2.265	47.247	4,8

(Nguồn: Tính toán từ kết quả nghiên cứu)



Hình 2. Bản đồ hiện trạng thảm thực vật lưu vực sông Chu năm 2010

3. Quy hoạch 3 loại rừng trên lưu vực sông Chu

Kết quả quy hoạch 3 loại rừng (rừng phòng hộ, rừng sản xuất, rừng đặc dụng) trên lưu vực sông Chu giai đoạn 2006-2015 được thể hiện như sau:

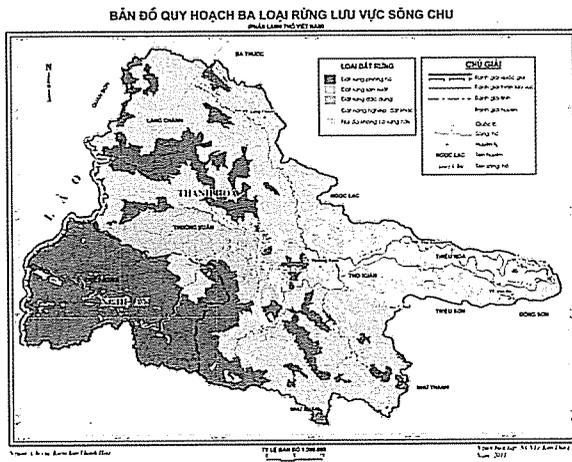
- Đất rừng phòng hộ đầu nguồn có tổng diện tích là 106.613 ha, chiếm 34,9% DTTN lưu vực, trong đó: đất rừng phòng hộ tập trung nhiều nhất trên khu vực Thượng lưu- dòng chính (III) với 56.990 ha, bằng 53,4% diện tích đất rừng phòng hộ; tiếp theo là trên các lưu vực sông Âm (19.520 ha; 18,3%), sông Khao (15230 ha; 14,3%), sông Đạt (1.063 ha; 10,0%); sông Đàng (13.483 ha, 3,3%); nhỏ nhất là trên khu vực Trung lưu - dòng chính (760 ha, 0,7%).

- Đất rừng sản xuất có diện tích là 98.596 ha,

chiếm 33,2% DTTN toàn lưu vực. Đất rừng sản xuất phân bố ở tất cả các phụ lưu, tuy nhiên tập trung chủ yếu trên phụ lưu I, IV và V với 71,7% diện tích đất rừng sản xuất, trong đó chỉ tính riêng trên lưu vực I đã chiếm tới 41,8%.

- Đất rừng đặc dụng có diện tích không lớn, chỉ chiếm 7,3% diện tích tự nhiên (21.579 ha). Loại đất này phân bố hầu hết trên lưu vực II và III (96,2% diện tích đất rừng đặc dụng).

- Đất nông nghiệp và đất khác khoảng 23,7% DTTN toàn lưu vực, xuất hiện trên tất cả các phụ lưu, nhưng phân bố không đều, trong đó chỉ riêng hạ lưu dòng chính đã chiếm tới 60% diện tích, còn nếu so sánh với chính diện tích lưu vực đó thì tỷ lệ này còn lớn hơn rất nhiều (94,4%). Kết quả nghiên cứu được thể hiện trong hình 3 và bảng 3, bảng 4:



Hình 3. Bản đồ quy hoạch ba loại rừng lưu vực sông Chu giai đoạn 2006- 2015

Bảng 3. Tỷ lệ che phủ rừng theo quy hoạch trên lưu vực sông Chu

Lưu vực sông	Diện tích đất có rừng quy hoạch (ha)	Diện tích tự nhiên (ha)	Tỷ lệ che phủ rừng theo quy hoạch (%)
Toàn lưu vực	223910	305.100	73,4
1. Thượng lưu	133.938	141.866	94,4
2. Trung lưu	82.516	115.977	71,1
3. Hạ lưu	7.456	47.247	15,8

(Nguồn: Tính toán từ bản đồ kết quả)

Bảng 4. Tỷ lệ che phủ rừng theo quy hoạch trên các phụ lưu, các bộ phận dòng chính sông Chu

Các phụ lưu sông Chu/ Bộ phận dòng chính	Diện tích đất có rừng quy hoạch (ha)	Diện tích tự nhiên (ha)	Tỷ lệ che phủ rừng theo quy hoạch (%)
1. Phụ lưu sông Âm (I)	60.730	77.346	78,5
2. Phụ lưu sông Khao (II)	29.565	31.066	95,2
3. Phụ lưu sông Đạt (III)	25.583	28.146	90,9
4. Phụ lưu sông Đàng (IV)	18.253	32.774	55,7
5. Thượng lưu- dòng chính (V)	78.790	82.654	95,3
6. Trung lưu- dòng chính (VI)	3.533	5.873	60,2
7. Hạ lưu- dòng chính (VII)	7.456	47.247	15,8

(Nguồn: Tính toán từ bản đồ kết quả)

4. Tính toán mức độ mất cân bằng che phủ trên lưu vực sông Chu

a. Phương pháp đánh giá

- Dựa vào hệ số mất cân bằng che phủ để đánh giá mức độ mất cân bằng che phủ (MCBCP) theo từng bộ phận lưu vực (thượng- trung- hạ lưu), từng phụ lưu và theo đơn vị hành chính (cấp xã). Hệ số này được tính qua mối quan hệ giữa tỷ lệ che phủ hiện tại (%) và tỷ lệ che phủ cần có theo đề xuất quy hoạch (%). Công thức có dạng sau:

Trong đó: MCBCP: hệ số mất cân bằng che phủ

$$MCBCP = \frac{\text{Tỷ lệ CPHT}}{\text{Tỷ lệ CPQH}} \quad (1)$$

CPHT: Tỷ lệ che phủ hiện tại (%)

CPQH: Tỷ lệ che phủ rừng theo đề xuất quy hoạch (%)

- MCBCP được xác định ở 4 cấp độ:
- + Mất cân bằng che phủ cao: < 0,3
- + Mất cân bằng che phủ trung bình: 0,3 - 0,5
- + Mất cân bằng che phủ thấp: 0,5- 0,7
- + Cân bằng che phủ: > 0,7

Để có được kết quả đánh giá mức độ MCBCP, bài viết đã chồng xếp bản đồ hiện trạng thảm thực vật lưu vực sông Chu năm 2010 với bản đồ quy hoạch 3 loại rừng lưu vực sông Chu giai đoạn 2006-2015 [1].

b. Kết quả đánh giá mức độ MCBCP

* Theo lưu vực

Bảng 5. Hệ số mất cân bằng che phủ trên lưu vực sông Chu

Lưu vực sông	Tỷ lệ che phủ rừng hiện tại (%)	Tỷ lệ che phủ rừng theo quy hoạch (%)	Hệ số mất cân bằng che phủ (MCBCP)
Toàn lưu vực	53,7	73,4	0,73
1. Thượng lưu	73,2	94,4	0,78
2. Trung lưu	49,7	71,1	0,70
3. Hạ lưu	4,8	15,8	0,29

(Nguồn: Tính toán từ kết quả nghiên cứu)

Bảng 6. Hệ số mất cân bằng che phủ trên các phụ lưu, các bộ phận dòng chính sông Chu

Các phụ lưu sông Chu/ Bộ phận dòng chính	Tỷ lệ che phủ rừng hiện tại (%)	Tỷ lệ che phủ rừng theo quy hoạch (%)	Hệ số mất cân bằng che phủ (MCBCP)
1. Phụ lưu sông Âm (I)	52,5	78,5	0,67
2. Phụ lưu sông Khao (II)	75,2	95,2	0,79
3. Phụ lưu sông Đạt (III)	67,3	90,9	0,74
4. Phụ lưu sông Đàng (IV)	46,9	55,7	0,84
5. Thượng lưu- dòng chính (V)	74,4	95,3	0,78
6. Trung lưu- dòng chính (VI)	28,8	60,2	0,48
7. Hạ lưu- dòng chính (VII)	4,8	15,8	0,29

(Nguồn: Tính toán từ kết quả nghiên cứu)

Nhận xét:

- Trên toàn lưu vực sông Chu đã đảm bảo được cân bằng che phủ (MCBCP = 0,73), tuy nhiên có sự khác nhau giữa ba khu vực:

+ Khu vực thượng lưu (chiếm 46,5% DTTN lưu vực): đạt cân bằng che phủ (MCBCP = 0,78).

+ Khu vực trung lưu (38,0% DTTN lưu vực): mất cân bằng che phủ thấp (MCBCP = 0,70).

+ Khu vực hạ lưu (15,50% DTTN): mất cân bằng che phủ cao (MCBCP= 0,29)

- Trên từng phụ lưu và các bộ phận của dòng

chính, kết quả đánh giá MCBCP như sau:

+ Bốn lưu vực (chiếm 57,24% DTTN) đạt mức độ CBCP, trong đó: cao nhất là phụ lưu sông Đàng (0,84), tiếp đến là sông Khao (0,79), Thượng lưu- dòng chính (0,78), và nhỏ nhất là trên sông Đạt (0,74).

+ Ba khu vực còn lại (chiếm 42,76% DTTN) đều thuộc mức mất cân bằng che phủ và phân thành 3 cấp: MCBCP thấp (0,67) trên sông Âm, MCBCP trung bình (0,48) trên trung lưu- dòng chính và MCBCP cao (0,29) trên khu vực Hạ lưu - dòng chính.

NGHIÊN CỨU & TRAO ĐỔI

* Theo đơn vị hành chính

Hệ số MCBCP chỉ xét với những xã có diện tích đất lâm nghiệp trên 200 ha và những xã có tỷ trọng đất lâm nghiệp trên diện tích đất tự nhiên từ 20% trở lên (gồm 38 xã). Xác định mức độ mất cân bằng che phủ ở 4 cấp, cụ thể:

- Mức độ MCBCP cao: là những xã có hệ số MCBCP < 0,3. Khu vực nghiên cứu có 3 xã nằm trong mức MCBCP cao, gồm xã Xuân Phú và Xuân Thắng (Thọ Xuân), Phúc Thịnh (Ngọc Lạc).

- Mức độ MCBCP trung bình là những xã có hệ số từ 0,3 - 0,5. Trên toàn lưu vực có 2 xã Xuân Cẩm và Thọ Thanh (huyện Thường Xuân) thuộc MCBCP trung bình.

- Mức độ MCBCP thấp chỉ với những xã có hệ số MCBCP từ 0,5- 0,7. Trên lưu vực sông Chu có tất cả 15 xã ở mức MCBCP thấp, bao gồm các xã: Lâm

Phú, Yên Khương, Yên Thắng, Tam Văn, Trí Nang, Quang Hiến, Tân Phúc, Đồng Lương, Giao An, Giao Thiện, Vân Âm, Phùng Giáo và Cao Ngọc (huyện Lang Chánh), Ngọc Phụng (huyện Thường Xuân), và Nguyệt Ấn (Ngọc Lạc).

- Mức CBCP (hệ số MCBCP > 0.7) xuất hiện ở 18 xã, trong đó: 13 xã thuộc huyện Thường Xuân (Bát Mọt, Yên Nhân, Lương Sơn, Vạn Xuân, Xuân Lệ, Xuân Chính, Xuân Thắng, Xuân Lộc, Luận Khê, Tân Thành, Xuân Cao, Luận Thành, Xuân Cao); 2 xã của huyện Quế Phong (Đồng Văn, Thông Thụ); Như Thanh có 1 xã là Xuân Thọ; Như Xuân có 2 xã là Thanh Xuân và Thượng Ninh.

- Không xét MCBCP: gồm có 67 xã thuộc Hạ lưu dòng chính, trong đó: Thọ Xuân có 33 xã, Thiệu Hóa có 29 xã, Triệu Sơn có 10 xã, và 1 xã của huyện Ngọc Lạc.

Bảng 7. Số xã theo mức mất CBCP trên lưu vực Sông Chu (Đơn vị: xã)

Huyện	Không xét mất CBCP	CBCP	Mất CBCP thấp	Mất CBCP trung bình	Mất CBCP cao
Thường Xuân		13	1	2	
Lang Chánh			13		
Ngọc Lạc	1		1		1
Quế Phong		2			
Như Xuân		2			
Như Thanh		1			
Thọ Xuân	33				2
Thiệu Hóa	29				
Triệu Sơn	10				
Tổng	73	18	15	2	3



Hình 4. Bản đồ mất cân bằng che phủ lưu vực sông Chu

Như vậy, trình tự ưu tiên đầu tư cho các xã để phục hồi lớp phủ theo cấp độ MCBCP từ cao xuống thấp. Đối với những xã có mức độ MCNCP cao cần được ưu tiên đầu tư trước, sử dụng các biện pháp khoanh nuôi bảo vệ rừng phòng hộ nhất là rừng phòng hộ rất xung yếu, phục hồi rừng nghèo kiệt và trồng mới rừng trên diện tích đất trống, trảng cỏ và cây bụi thứ sinh. Đối với những xã thuộc mức MCBCP trung bình, bên cạnh việc khoanh nuôi, bảo vệ lớp phủ rừng hiện tại cần phải trồng rừng, bổ sung và trồng mới rừng để phủ xanh đất trống đồi trọc. Bảo vệ khoanh nuôi rừng hiện có đối với những xã mất CBCP thấp, có thể kết hợp với các mô hình canh tác nông - lâm kết hợp trên đất dốc để tăng thêm tỷ lệ che phủ, bảo vệ nguồn nước và chống xói mòn đất.

5. Kết luận

Trong nghiên cứu này, chúng tôi đã tiến hành đánh giá mức độ mất cân bằng che phủ trên lưu vực sông Chu dựa vào chỉ số (hệ số) mất cân bằng che phủ (được tính qua mối quan hệ giữa tỷ lệ che

phủ hiện tại và tỷ lệ che phủ theo đề xuất quy hoạch). Các kết quả nghiên cứu cho thấy: 46,5% DTTN lưu vực đạt cân bằng che phủ (hệ số MCBCP = 0,78), phần diện tích này nằm hoàn toàn trên khu vực thượng lưu ở phía Tây, gồm: phụ lưu sông Khao, sông Đạt và Thượng lưu- dòng chính; 38,0% DTTN lưu vực ở mức mất cân bằng che phủ thấp (hệ số MCBCP = 0,70) thuộc bộ phân trung lưu, bao gồm lưu vực sông Âm, sông Đàng và trung lưu dòng chính; 15,50% DTTN dưới khu vực hạ lưu ở mức mất cân bằng che phủ cao (MCBCP= 0,29).

Trong số 38 xét mức độ MCBCP có 18 xã đạt CBCP và 20 xã MCBCP. Căn cứ vào mức độ MCBCP của các xã khuyến nghị trình tự ưu tiên đầu tư theo cấp độ MCBCP từ cao xuống thấp nhằm phục hồi lớp phủ, phát triển sản xuất trên đất lâm nghiệp phục vụ xoá đói giảm nghèo và bảo vệ môi trường sinh thái bền vững.

Tài liệu tham khảo

1. Chi cục Kiểm lâm Thanh Hóa - Bản đồ quy hoạch ba loại rừng Thanh Hóa giai đoạn 2006-2015, tỷ lệ 1:100.000
2. Chi cục Kiểm lâm Thanh Hóa- Bản đồ hiện trạng rừng năm 2010, tỷ lệ 1: 200.000
3. Đặng Ngọc San (chủ nhiệm đề tài) (2009) Nghiên cứu phân vùng nguy cơ xảy ra lũ quét và đề xuất các giải pháp phòng tránh, giảm nhẹ thiệt hại ở Thanh Hóa, đề tài của Trung tâm Khí tượng Thủy văn Thanh Hóa.
4. Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa: Biểu thống kê, kiểm kê diện tích đất theo đơn vị hành chính tỉnh Thanh Hóa năm 2010.
5. Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa- Bản đồ Quy hoạch sử dụng đất tỉnh Thanh hóa 2010, tỷ lệ 1: 100.000
6. Phạm Thế Vinh và nnk (2009), Đánh giá ảnh hưởng của cấu trúc thảm thực vật đến lũ lụt, hạn hán lưu vực sông Chu, đề xuất các giải pháp giảm thiểu, Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài khoa học cơ bản, Viện Địa lý, 2009.
7. www.kiemlam.org.vn
8. www.camnanglamnghiep.vn

VẤN ĐỀ GIÁO DỤC QUAN ĐIỂM THẨM MỸ CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

ThS. **Nguyễn Thị Luyện** - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Trong giai đoạn cách mạng ở nước ta hiện nay, đòi hỏi phải phát huy sức mạnh của cả dân tộc, trong đó thế hệ trẻ được Đảng ta coi là một trong những lực lượng quan trọng. Đại hội Đảng lần thứ XI đã chỉ rõ "Làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, truyền thống, lý tưởng đạo đức và lối sống; tạo điều kiện học tập, lao động, giải trí, phát triển thể lực, trí tuệ cho thế hệ trẻ"[1]. Khi khẳng định vai trò to lớn của thế hệ trẻ trong sự nghiệp cách mạng hiện nay, chúng ta nhận thấy vai trò quan trọng của sinh viên Việt Nam. Bởi vì, sau khi ra trường họ sẽ trở thành người lao động có trình độ cao, đó là nguồn nhân lực chủ yếu cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Sự phát triển bền vững của đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa đặt ra một yêu cầu khách quan là phải trang bị cho sinh viên không chỉ kiến thức chuyên ngành, mà còn cả quan điểm chính trị với nền tảng tư tưởng là chủ nghĩa Mác- Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và những quan điểm thẩm mỹ lành mạnh. Mục tiêu của giáo dục đào tạo ở nước ta là giáo dục toàn diện, thể hiện trên bốn mặt đức, trí, thể, mỹ để hướng con người Việt Nam luôn sống và hành động theo chân, thiện, mỹ. Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đã đánh giá "Chất lượng giáo dục và đào tạo chưa đáp ứng nhu cầu phát triển, nhất là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao vẫn còn hạn chế....chất lượng giáo dục toàn diện giảm sút". Đại hội cũng đánh giá: "Môi trường văn hóa bị xâm hại, lai căng, thiếu lành mạnh, trái với thuần phong mỹ tục, các tệ nạn xã hội, tội phạm và sự xâm nhập của các sản phẩm và dịch vụ độc hại làm suy đồi đạo đức, nhất là trong thanh thiếu niên rất đáng lo ngại"[2]. Sinh viên Việt Nam nói chung và sinh viên Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội nói riêng, đều là những người có tuổi đời còn rất trẻ, với đặc điểm tâm sinh lý: Năng động, sáng tạo, nhạy cảm với cái mới, thích thể hiện và khẳng định mình, tuy nhiên họ cũng còn rất bồng bột, dễ dao động. Do vậy, nếu không có sự định hướng một cách vững vàng dựa trên cơ sở khoa học, trong tư tưởng của họ có thể chuyển từ tốt thành xấu. Như vậy, để giáo dục đại học ở nước ta nói chung và giáo dục đào tạo ở Trường Đại học Tài nguyên và Môi

trường nói riêng, cần đáp ứng được mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, lối sống có văn hóa. Tuy nhiên, hiện nay nhiều trường đại học, cao đẳng ở nước ta, trong đó có Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội vẫn chưa thực hiện được mục tiêu đó. Trong chương trình đào tạo của các trường mới chỉ chú trọng đến kiến thức chuyên ngành và kiến thức của các môn Lý luận Chính trị, chưa giảng dạy môn Mỹ học, đặc biệt là các trường khối ngành kỹ thuật. Đây là một vấn đề rất khó khăn cho công tác giáo dục, đào tạo hiện nay. Do tác động mặt trái của nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường, ảnh hưởng của văn hóa và lối sống phương Tây thông qua phim ảnh, mạng internet là con đường dễ thấm thấu vào đời sống thẩm mỹ của thanh niên, sinh viên. Trong khi đó, sinh viên lại chưa được trang bị một cơ sở lý luận khoa học về cái đẹp, chưa có một sự định hướng chính thống về thẩm mỹ. Tại Hội thảo về định hướng thẩm mỹ do Viện Nghiên cứu phát triển thành phố Hồ Chí Minh tổ chức, Tiến sĩ Nguyễn Thị Hậu đã cho rằng: "Một bộ phận trong giới trẻ đang mơ hồ về thị hiếu thẩm mỹ". Cũng tại Hội thảo này, cho biết khi khảo sát 200 bạn trẻ từ 17 đến 25 tuổi tại Hà Nội, kết quả cho thấy 52% đang mơ hồ về thị hiếu thẩm mỹ. Vì vậy, để đáp ứng được mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao, là những công dân có lối sống lành mạnh mà Đảng ta đề ra tại Đại hội XI, thì điều kiện cần thiết phải giáo dục có hiệu quả quan điểm thẩm mỹ lành mạnh cho sinh viên. Quan điểm thẩm mỹ lành mạnh là hệ thống những quan niệm thẩm mỹ của Đảng ta được xây dựng trên nền tảng Mỹ học Mác - Lê nin, đó là những quan điểm thẩm mỹ đúng đắn, thẩm nhuần tính nhân văn nhân đạo, kết tinh những nét đẹp truyền thống của dân tộc, phù hợp với tinh thần thời đại. Do đó, giáo dục quan điểm thẩm mỹ lành mạnh có các vai trò sau đây:

Thứ nhất: Góp phần tích cực trong việc phát triển nhân cách cho sinh viên, giúp cho họ có khả năng nhận thức và đánh giá đúng về cái đẹp. Trên cơ sở đó, để họ sống, học tập và làm việc theo quy luật của cái đẹp, có như vậy họ mới có khả năng sáng tạo ra cái đẹp trên cơ sở những giá trị văn hóa

thẩm mỹ truyền thống của dân tộc.

Thứ hai: Góp phần xây dựng phẩm chất đạo đức và lối sống lành mạnh cho sinh viên. Bởi lẽ, việc xây dựng phẩm chất đạo đức và lối sống lành mạnh cho sinh viên hiện nay đang gặp rất nhiều khó khăn, trước hết phải kể đến sự tác động khách quan của mặt trái của cơ chế thị trường ở nước ta và thế lực thù địch thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình”, chống chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Trong nhiều năm qua, chúng đã tìm mọi cách gieo rắc trong sinh viên lối sống thực dụng, ích kỷ, chủ nghĩa cá nhân, sung bái đồng tiền. Do đó, việc xây dựng phẩm chất đạo đức và lối sống lành mạnh sẽ không phải chỉ là tuyên truyền, hô hào, kêu gọi sinh viên làm việc thiện, không làm điều ác, sống có tình, có nghĩa, biết hy sinh lợi ích riêng của cá nhân để phục vụ cho lợi ích chung, mà vấn đề cốt lõi là phải trang bị cho sinh viên một hệ thống các quan điểm thẩm mỹ lành mạnh. Bởi vì, khi được giáo dục những quan điểm thẩm mỹ lành mạnh sẽ giúp cho sinh viên thấy được ý nghĩa và mục đích cuộc sống của con người trong xã hội ta “không có gì quý hơn độc lập tự do”. Nhờ vậy tình cảm, ý chí đạo đức cách mạng được nâng lên. Đó là “bức tường thép” để ngăn chặn lối sống vô đạo đức, thực dụng, trọng đồng tiền của một bộ phận không nhỏ trong sinh viên ngày nay. Họ sẽ biết nêu cao tinh thần đấu tranh bảo vệ chân lý, bảo vệ cái đúng, cái tốt, lên án cái ác, cái xấu và cái tiêu cực, có thái độ kiên quyết dứt khoát đấu tranh ngăn chặn và đẩy lùi mọi tiêu cực, sa đọa, suy thoái về đạo đức và lối sống trong nhà trường cũng như ngoài xã hội.

Thứ ba: Góp phần tạo ra môi trường sáng tạo, lành mạnh cho sinh viên đặc biệt là trong khâu thưởng thức và sáng tạo nghệ thuật. Mỗi sinh viên đều mong muốn tìm kiếm cho mình một không gian thưởng thức và sáng tạo nghệ thuật và cũng chính môi trường ấy mới có thể phát huy được mọi khả năng tiềm ẩn trong mỗi cá nhân, kích thích họ hình thành những nhu cầu thẩm mỹ chính đáng, những tình cảm thân thiện trước tự nhiên, xã hội và chính bản thân họ.

Đối với sinh viên Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, nếu công tác giáo dục quan điểm thẩm mỹ lành mạnh có hiệu quả, còn giúp cho sinh viên nhận thức được họ phải sống và hành động thân thiện với môi trường, nỗ lực phấn đấu trong học tập và nghiên cứu khoa học để cống hiến sức lực và trí tuệ của mình trong việc giải quyết những vấn đề mang tính toàn cầu hiện nay, như bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, ứng phó

với biến đổi khí hậu, bảo vệ hòa bình....

Để giáo dục quan điểm thẩm mỹ lành mạnh có hiệu quả, đòi hỏi trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội nói riêng và các trường đại học, cao đẳng trong cả nước nói chung cần phải tiến hành đồng bộ các biện pháp sau đây:

Thứ nhất: Phải đưa môn Mỹ học Mác- Lê nin vào giảng dạy trong các trường đại học, cao đẳng. Bởi vì, Mỹ học Mác- Lê nin là một bộ phận hợp thành hợp thành của triết học Mác- Lê nin, dựa trên cơ sở của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, nó nghiên cứu sự vận động của các quan hệ thẩm mỹ giữa con người và hiện thực. Mỹ học Mác- Lê nin khẳng định mọi niềm vui, khát vọng và những đam mê của con người trong cuộc sống đều gắn liền với hoạt động và thực tiễn xã hội của con người. Con người hưởng thụ, đánh giá sáng tạo thẩm mỹ là do những nhu cầu sinh tồn, nhu cầu giao tiếp và nhu cầu hoàn thiện bản thân mình tạo nên. Quan điểm của Mỹ học Mác- Lê nin đòi hỏi cách nhìn quan hệ thẩm mỹ giữa con người và hiện thực một cách toàn diện và chỉnh thể. Mỹ học Mác- Lê nin cũng chỉ rõ mỗi thời đại, mỗi dân tộc, mỗi giai cấp đều tạo nên các quan hệ thẩm mỹ của mình. Dân tộc chúng ta đang đấu tranh với các hiện tượng phản thẩm mỹ để hoàn thiện cuộc sống của mình. Hơn nữa môn học Mỹ học Mác- Lê nin có vai trò là truyền đạt cách phát ngôn các tư tưởng, các quan điểm nghệ thuật của giai cấp vô sản, giúp cho người học hiểu rõ những quan điểm thẩm mỹ của giai cấp vô sản. Mỹ học Mác – Lê nin còn cung cấp các chuẩn mực sống đẹp một cách hiện đại, đồng thời cung cấp các chuẩn mực hưởng thụ văn hóa một cách lành mạnh.

Thứ hai: Giáo dục quan điểm thẩm mỹ lành mạnh thông qua những loại hình văn hóa nghệ thuật chân chính. Từ thực tiễn cho thấy, văn hóa nghệ thuật có tác động mạnh mẽ đến tình cảm con người, đến tư tưởng và hoài bão, tiếp thêm cho họ sức mạnh phi thường để vượt qua những khó khăn, thách thức. Như vậy, thông qua những loại hình nghệ thuật chân chính đang ẩn chứa những quan điểm thẩm mỹ lành mạnh sẽ thấm thấu vào tình cảm, tâm trạng của con người, hình thành những cảm xúc thẩm mỹ lành mạnh, hướng con người vươn tới cái đẹp, tự nó sẽ tạo ra cơ chế phản ứng lại những loại hình văn hóa phản thẩm mỹ.

Thứ ba: Giáo dục quan điểm thẩm mỹ lành mạnh bằng cách nêu gương người tốt việc tốt. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng dạy “Một tấm gương sáng còn có giá trị hơn một trăm bài diễn thuyết”. Lời dạy

của Người đã có hiệu quả cao trong quá trình xây dựng và kiến thiết đất nước. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, dưới tác động của những mặt trái của cơ chế thị trường xuất hiện nhiều tệ nạn xã hội trái với thuần phong mỹ tục của dân tộc, những giá trị truyền thống của dân tộc đang có nguy cơ bị mất đi. Nhưng chúng ta cũng nhận thấy những giá trị văn hóa của dân tộc được biểu hiện một cách sinh động, cụ thể trong mỗi con người, mỗi hành vi của họ. Những người tốt việc tốt cũng chính là những con người đẹp với những hành vi đẹp, đây là những tấm gương sáng về đạo đức và thẩm mỹ. Trong xã hội ta, người tốt, việc tốt là những người có ý chí vươn lên trong mọi lĩnh vực, như có những sinh viên nghèo nỗ lực phấn đấu trong học tập và rèn luyện, có những người biết vượt lên số phận của mình để tự lo cho cuộc sống của mình, có những người biết xả thân vì nghĩa lớn trong phòng chống tội phạm, hay quên mình để cứu người khác. Đối với sinh viên Trường Đại học Tài Nguyên và Môi trường Hà Nội, những con người biết vượt qua khó khăn, nỗ lực trong học tập và nghiên cứu khoa học góp phần bảo vệ môi trường ở một vùng quê, hay góp phần nhỏ bé trong việc tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng về biến đổi khí hậu và ứng phó với biến đổi khí hậu trong giai đoạn hiện nay ở nước ta. Họ thực sự là những tấm gương người tốt, việc tốt đáng được nêu gương.

Thứ tư: Giáo dục những quan điểm thẩm mỹ lành mạnh gắn kết với các hoạt động của đoàn thể. Hoạt động của các đoàn thể như Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên trong các trường đại học, cao đẳng nói chung và Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội nói riêng, là nơi để sinh viên tham gia hoạt động thực tiễn, nơi thể hiện khả năng của sinh viên, nơi gắn liền giữa học và hành, nơi để sinh viên tự rèn luyện bản thân mình và cũng là nơi nâng cao khả năng nhận thức của mình trong quá trình học tập.

Như vậy, giáo dục quan điểm thẩm mỹ lành mạnh cho sinh viên nói chung và sinh viên Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội nói riêng trong giai đoạn hiện nay có một vai trò rất quan trọng. Nó cung cấp cho sinh viên một cơ sở khoa học vững chắc về khoa học thẩm mỹ trên cơ sở đó giúp cho sinh viên nâng cao năng lực cảm thụ thẩm mỹ, để luôn sống và hành động theo chân - thiện - mỹ. Do đó, cần phải nhận thức được giáo dục quan điểm thẩm mỹ lành mạnh là một bộ phận không thể thiếu trong chiến lược phát triển giáo dục đại học ở nước ta hiện nay. Nhằm đào tạo nguồn nhân lực năng động, sáng tạo trước những biến đổi trong cuộc sống, dám đương đầu với những thách thức, có ý chí vươn lên làm chủ khoa học công nghệ, làm chủ bản thân, đồng thời có năng lực cảm thụ và hành động theo quy luật của cái đẹp.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI, NXB Chính trị Quốc gia.
2. Đỗ Xuân Hà. Giáo dục thẩm mỹ, món nợ lớn đối với thế hệ trẻ. Nhà xuất bản giáo dục - 1998.
3. Phân viện Báo chí và tuyên truyền - Khoa triết học, Mỹ học, bài giảng cho các lớp không chuyên Triết, Hà nội 1999.
4. Iu.A. Lu Kin, V.C.XCA.CHE- RƠ- SIC- CÔP, người dịch Hoài Lam, Nguyên lý Mỹ học Mác - Lê Nin, NXBSGK Mác - Lê Nin, Hà Nội 1985.
5. Tạp chí Khoa học và công nghệ, Đại học Đà Nẵng – Số 5(40).2010

ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN KHU VỰC ĐÔNG BẮC ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Lê Thu Hạnh

Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Đông Bắc

Biến đổi khí hậu đã và đang diễn ra với dự báo sẽ tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, ảnh hưởng và tác động sâu rộng trên toàn thế giới, đến các quốc gia, vùng lãnh thổ, từng cộng đồng và mỗi người dân. Chính vì vậy, công tác dự báo, cảnh báo thiên tai được đặt lên nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu. Để đáp ứng được yêu cầu đó, một trong các biện pháp được Đài Khí tượng Thủy văn (KTTV) khu vực Đông Bắc quan tâm là đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, làm cơ sở phục vụ công tác ứng phó với biến đổi khí hậu.

Trong suốt những năm qua, được sự giúp đỡ và tạo điều kiện của Trung tâm Khí tượng Thủy văn quốc gia, sự ủng hộ, phối hợp của các đơn vị bạn, các đồng nghiệp và với nỗ lực của tập thể cán bộ, viên chức và người lao động, Đài KTTV khu vực Đông Bắc đã thực hiện thành công nhiều nhiệm vụ, đề tài, chuyên đề nghiên cứu triển khai trong các lĩnh vực khí tượng - khí hậu, thủy văn, biển, môi trường, giải pháp công nghệ, đặc biệt là các nghiên cứu liên quan đến biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Nhiều kết quả nghiên cứu khoa học của đài đã được ứng dụng vào thực tiễn công tác, mang lại hiệu quả cao trong chuyên môn nghiệp vụ, trong đó có: đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ: "Nghiên cứu lựa chọn phương pháp và xây dựng chi tiết quy trình dự báo thời tiết hạn ngắn tại các đơn vị dự báo ở miền Bắc"; Nhiều đề tài các cấp khác về nhiều lĩnh vực như nghiên cứu và dự báo sóng ven bờ, nước dâng do bão, các phương pháp và công nghệ dự báo thủy văn, xử lý số liệu cũng như về công nghệ tin học.

Bên cạnh đó, Đài KTTV khu vực Đông Bắc là một trong những đơn vị thuộc Trung tâm Khí tượng Thủy văn quốc gia, hằng năm có nhiều những sáng kiến, cải tiến kỹ thuật được hội đồng khoa học của đơn vị công nhận và đưa vào áp dụng như: năm 2009 có 10 sáng kiến được công nhận, năm 2010 có 08 sáng kiến được công nhận, năm 2011 có 07 sáng kiến. Năm 2012, có 15 sáng kiến cải tiến kỹ thuật

đang được triển khai thực hiện. Một trong số các sáng kiến cải tiến kỹ thuật được đánh giá cao như: "Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác truyền, nhận dữ liệu KTTV", "Nghiên cứu ứng dụng CNTT trong việc tự động mã hóa số liệu khí tượng bề mặt", "Xây dựng phương trình hồi quy dự báo mực nước tuần 10 ngày bằng phương pháp hồi quy từng bước", "Ứng dụng công nghệ mới trong hội thảo dự báo hàng ngày", ...

Hiện nay, để thực hiện tốt yêu cầu cảnh báo, dự báo thiên tai và tác động xấu của biến đổi khí hậu, một số đề tài về biến đổi khí hậu và dự báo các hiện tượng thời tiết nguy hiểm đang được triển khai nghiên cứu nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế ở các tỉnh, thành phố trong khu vực Đông Bắc, góp phần nâng cao uy tín của ngành và đem lại nhiều hiệu quả thiết thực cho xã hội.

Công tác nghiên cứu khoa học công nghệ, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, nghiên cứu ứng dụng Công nghệ thông tin vào thực tiễn công tác của đơn vị đã thực sự mang lại hiệu quả không nhỏ như: Góp phần nâng cao chất lượng công tác quản lý, điều tra cơ bản, dự báo, nghiên cứu khí hậu từng bước thực hiện chương trình hiện đại hóa Đài KTTV khu vực Đông Bắc nói riêng và của Ngành KTTV nói chung; Nâng cao nhận thức, trình độ và kỹ năng cho đội ngũ cán bộ, viên chức trong đơn vị.

Mặc dù phong trào nghiên cứu khoa học và áp dụng công nghệ mới vào hoạt động đã đạt được một số kết quả và thành công nhất định. Tuy nhiên, phong trào chưa mang tính chất sâu rộng, chưa thu hút được đông đảo cán bộ, công nhân, viên chức trên tất cả các lĩnh vực công tác và các đơn vị trực thuộc nhất là ở các trạm quan trắc tham gia. Đây là vấn đề Đài KTTV khu vực Đông Bắc đang khắc phục, nhằm đẩy mạnh hơn nữa công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ mới vào mọi lĩnh vực hoạt động, nâng cao chất lượng phục vụ dự báo và dự báo đạt mức độ chính xác cao hơn.